TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2021/ DS-ST
Ngày: 27 – 01 -2021
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **THÂN VĂN KỲ**
2. Ông **TỐNG VĂN TƯ**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Bà **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1968.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **PHẠM THỊ P**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T có mặt, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tại đơn khởi kiện trình bày: Bà với bà P là chỗ quen biết, hàng xóm với nhau. Bà P tổ chức và làm đầu thảo góp hụi hưởng hoa hồng từ năm 2017. Lúc đầu bà P rất uy tín, góp hụi, giao hụi sòng phẳng, đến ngày 28/9/2019 bà P tuyên bố đình hụi. Bà tham gia các dây hụi do bà P tổ chức cụ thể như sau:

+ **Dây 1**: Hụi tháng khui ngày 30/9/2017 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào. Hụi khui tới kỳ 25, số tiền hụi 25 kỳ x 2 phần x 1.000.000đồng/ phần = 50.000.000đồng.

+ **Dây 2:** Hụi tháng khui ngày 30/11/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, gồm 28 phần, bà tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào. Hụi khui tới kỳ 11, 11 kỳ x 02 phần x 1.000.000đồng/ phần = 22.000.000đồng.

+ **Dây 3**: Hụi tháng khui ngày 20/01/2019 âm lịch, hụi 2.000.000đồng, gồm 25 phần, bà tham gia 01 phần, chưa hốt phần nào. Hụi khui tới kỳ 9, 9 kỳ x 1 phần x 2.000.000đồng/ phần = 18.000.000đồng.

Như vậy, bà P còn nợ bà 90.000.000đồng tiền hụi, bà P viện nhiều lý do kéo dài thời gian trả. Đến ngày 28/10/2019 thì bà P đi khỏi địa phương. Bà yêu cầu bà P trả 90.000.000 đồng tiền hụi làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T xác định chỉ yêu cầu bà P trả bà số tiền 70.000.000đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị P dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật. Đối với đương sự bị đơn bà Phạm Thị P chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 471 Bộ luật dân sự, nghị định 144/2006/ NĐ-CP chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà P trả cho bà T 70.000.000đồng tiền hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Phạm Thị P dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa chỉ yêu cầu bà P trả cho bà 70.000.000 đồng tiền hụi . Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, tuy việc tổ chức chơi hụi và tham gia của hụi viên không thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nhưng bà P cũng có lập sổ sách theo dõi hụi và các hụi viên cũng xác định bà T có tham gia chơi hụi của bà P với tên ghi trong danh sách hụi là " 05 T". Bà P bản thân là chủ thảo hụi để hưởng hoa hồng nhưng bà không làm tròn trách nhiệm của mình, đến ngày 28/10/2019 thì tuyên bố đình hụi giữa chừng. Sau khi đình hụi bà cũng không họp hụi viên để giải quyết hậu quả của việc đình hụi mà trốn tránh trách nhiệm làm cho các hụi viên hoang mang. Do bà không làm tròn trách nhiệm chủ thảo hụi nên việc hụi viên yêu cầu bà trả lại số

tiền hụi đã đóng là có sở. Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu bà P trả lại số tiền 70.000.000 đồng tính theo tiền vốn đã đóng là có lợi cho bà P. Đối với bà P từ khi Tòa án thụ lý đến nay dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày. Đây là bà tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì thì bà tự gánh chịu.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Đối với bà T được hoàn lại phần tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phạm Thị P trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi là 70.000.000đồng.

2. Về án phí:

2.1. Bà Phạm Thị P phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại bà Nguyễn Thị T 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004037 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét

xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà Phạm Thị P thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH